



## Suy nghĩ về vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

TS. NGUYỄN VĂN CHIẾN

**X**uất phát từ bản lĩnh và lập trường trước sau như một là trung thành với lý tưởng XHCN của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, thực hiện tư tưởng lấy dân làm gốc, tất cả do dân và vì dân phục vụ mà Đảng ta đã tạo nên một bước ngoặt quan trọng trong đổi mới tư duy và phương pháp lãnh đạo của mình. Đó chính là bước chuyển từ ngành kinh tế kế hoạch hoá tập trung, bao cấp sang “nền kinh tế thị trường định hướng XHCN”, một bước chuyển mà ngay ở thập kỷ 70 (thế kỷ XX) chúng ta cũng không thể nào tưởng tượng nổi, bởi lúc đó nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần được coi là đồng nghĩa với nền kinh tế tư bản, việc thực hiện nó được coi là phản bội lý tưởng XHCN. Nhưng chính cuộc sống thực tế đã buộc chúng ta phải làm như vậy, thực tế VN đã buộc chúng ta phải trở lại với quy luật khách quan, trở lại với vị thế đích thực của mình. Nó chính là kết quả của quá trình đổi mới tư duy, là kết quả của một quá trình phấn đấu khắc phục những tư duy bảo thủ, giáo điều, là quá trình sâu sát cơ sở, tổng

kết thực tiễn làm tiền đề cho bước chuyển sang một tư duy mới năng động, sáng tạo, mang tính cách mạng và có nguyên tắc của Đảng ta.

Trong những chế biến mang tính bước ngoặt đó, tư duy của Đảng ta về vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân cũng đã và đang có những bước chuyển rõ nét, nhằm ngày càng phù hợp hơn với thực tiễn, với đà phát triển chung của nền kinh tế - xã hội đất nước. Tại đại hội VII (năm 1991) Đảng ta đã chính thức quy định đảng viên được làm kinh tế trong những trường hợp sau: (1) Góp phần vào các công ty, xí nghiệp quốc doanh, tập thể; (2) Được đứng ra tổ chức đơn vị kinh tế tập thể; (3) Được đầu tư nhận khoán đất đai, thuê tài sản nhà nước để tổ chức kinh doanh; (4) Được làm kinh tế cá thể, tiểu chủ. Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) của Đảng đã tạo niềm tin mới, tạo nguồn động lực mới cho kinh tế tư nhân, cũng như luật doanh nghiệp đã được Quốc hội ban hành trước đó. Trong đó Nghị quyết nêu rõ: “Những đảng viên đang làm chủ doanh nghiệp tư nhân, chấp hành

tốt điều lệ Đảng, Pháp luật, chính sách của Nhà nước được đảng viên và quần chúng tại doanh nghiệp và nơi cư trú tín nhiệm, có nguyện vọng thủ tục đứng trong hàng ngũ Đảng thì vẫn là đảng viên của Đảng. Nghiên cứu quy định cụ thể những đảng viên này phải làm như thế nào để không vi phạm điều lệ Đảng mà không hạn chế phát triển sản xuất, kinh doanh” (1) Như vậy Đảng ta đang thừa nhận một thực tế khách quan và một lần nữa tiếp tục điều chỉnh quan điểm của mình trong việc cho đảng viên phát triển kinh tế tư nhân, cho dù đó là thực tế khó khăn nhất, nan giải nhất: Có nên cho phép đảng viên làm kinh tế TBTN hay không?

Hiện nay, tâm lý xã hội và cách nhìn nhận đánh giá trong Đảng, Nhà nước và nhận thức mới của toàn dân đối với kinh tế tư nhân đã có những biến đổi theo hướng cởi mở đồng cảm và ưu ái hơn, phù hợp với xu thế phát triển chung của đất nước và thời đại. Việc tiến hành sắp xếp lại các doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước cũng đang mở ra không gian rộng cho nhiều



ngành nghề thuộc khu vực kinh tế tư nhân phát triển. Đặc biệt là việc cổ phần hoá, bán khoán, cho thuê các doanh nghiệp nhà nước đã làm cho số lượng đảng viên làm chủ tịch hội đồng quản trị, hay giám đốc doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân tăng lên đáng kể...

Quan điểm của chúng tôi về vấn đề đảng viên làm kế tư nhân (KTTN) nói chung và kinh tế tư bản tư nhân (KTTBTN) nói riêng, xin được đề cập theo ba góc độ sau đây:

### 1. Về mặt lý luận

Thực tế cho thấy, hiện nay lý luận về bóc lột giá trị thặng dư luôn là vấn đề gay gắt và nó cũng được coi là chìa khoá, là khâu đột phá để mở ra việc lý giải cho vấn đề đảng viên có được làm kinh tế tư bản tư nhân hay không. Mặt khác điều lệ Đảng ta vẫn quy định đảng viên "có lao động, không bóc lột", điều này sẽ lý giải ra sao trong điều kiện Đảng ra khuyến khích phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần và nhiều vấn đề mới khác do cuộc sống đặt ra cần được lý giải tiếp.

Quan điểm của chúng tôi về vấn đề này là: Trước hết, chúng tôi cho rằng học thuyết giá trị thặng dư của Mác vẫn giữ được giá trị thực sự và tính khoa học đúng đắn của nó. Những lý luận về vấn đề bóc lột các giá trị thặng dư: tuyệt đối, tương đối và siêu ngạch có thể lý giải được những vấn đề đang đặt ra hiện nay. Mác cũng đã từng dự báo khoa học sẽ trở thành LLSX trực tiếp, nhờ khoa học - kỹ thuật con người sẽ ngày càng được giải phóng khỏi những lĩnh vực trực tiếp sản xuất mà sẽ làm chức năng điều khiển quá trình sản xuất. Những dự báo do đặc được thời đại ngày nay xác nhận cùng với lao động thể lực, lao động trí tuệ, lao động quản lý tham gia vào quá trình sản xuất thì đều là nguồn gốc tạo ra giá trị.

Mặt khác, chúng ta cũng không thể thoả mãn, không dừng lại cho rằng học thuyết của chủ nghĩa Mác đã hoàn hảo hoàn toàn, mà cần phải tiếp tục nghiên cứu lý luận giá trị thặng dư "trong mọi chi tiết và mọi mối quan hệ của nó" như nhiều nhà khoa học Mácxít đề nghị.

Rõ ràng sự phong phú và phức tạp

của các hiện tượng kinh tế hiện thực trong CNTB hiện đại đòi hỏi phải phân tích cụ thể, nhằm lý giải một cách thấu đáo hơn và hiểu đúng đắn hơn những lý luận khoa học của Mác vốn ra đời cách đây trên 150 năm...

Với ý những đó chúng tôi xin đơn cử ba nội dung sau đây cần được làm rõ thêm về mặt lý luận:

Thứ nhất, trước đây chúng ta thường nhìn nhận vấn đề bóc lột giá trị thặng dư chủ yếu theo quan điểm nhấn mạnh mặt tiêu cực của nó. Trong hoàn cảnh lịch sử mới, chúng tôi cho rằng cần phải có sự nhìn nhận và đánh giá một cách khoa học và công bằng hơn về vị trí của vấn đề này.

Thứ hai, vấn đề đặt ra đang được nhiều người quan tâm là: ngoài lao động của công nhân, của quản lý... thì các yếu tố như tư bản, nhà xưởng, đặc biệt là các xí nghiệp hiện đại, ruộng đất... Theo quan điểm mới hiện nay, chúng có tạo ra giá trị không và có được tham gia vào việc phân phối giá trị, phân phối lợi nhuận không? Trả lời được câu hỏi này sẽ có ý những thực tiễn rất lớn trong việc tạo động lực và việc hành động vốn cho phát triển kinh tế.

Thứ ba, phẩm chất chung của khu vực KTTN là sở hữu tư nhân. Về thực chất sở hữu tư nhân là một khái niệm đồng nhất, không chia cắt, do đó khu vực KTTN cũng không nên chia cắt nó, cũng như chúng ta không chia cắt khu vực kinh tế Nhà nước vậy. Trong hoàn cảnh đó liệu có thể xác định được một thậm chí chính xác và khoa học nhằm phân định ranh giới giữa kinh tế cá thể, tiểu chủ với kinh tế tư bản tư nhân hay không và nếu như không thể tìm ra được một tiêu chí như vậy thì liệu vấn đề đảng viên làm KTTBTN có cần thiết phải đặt ra nữa hay không? v.v...

Ta biết rằng, sản phẩm thặng dư gắn liền với toàn bộ tiến trình lịch sử sản xuất vật chất là mục tiêu và tiền đề của sự phát triển LLSX, là cơ sở của tái sản xuất mở rộng, nó góp phần đưa loài người phát triển từ thời kỳ mông muội, dã man đến thời đại văn minh ngày nay. Vì vậy nó là phạm trù kinh tế rất hiện thực, là tất yếu của mọi hình thái kinh tế - xã hội. Tuy nhiên muốn có một xã hội như vậy, phải có một lực

lượng sản xuất to lớn và hết sức hiện đại, một nền khoa học công nghệ tiên tiến, có chế độ công hữu phù hợp với trình độ phát triển LLSX. Song trong điều kiện hiện nay nước ta chưa thể đạt tới một trình độ như thế và còn phải rất lâu dài nữa mới có thể đạt tới trình độ xã hội hoá LLSX một cách thực chất. Do vậy, không còn cách nào khác, chúng ta phải chứng nhận bóc lột giá trị thặng dư như một hình thức tất yếu khách quan cho sự phát triển của LLSX.

Điều này đã được Đảng ta nhận thức khi coi phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần là đường lối chiến lược, lâu dài trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH. Trong lúc đó người lao động, người công nhân cũng không chống lại việc những tệ nạn xã hội đang trở nên hết sức bức xúc hiện nay như tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống của một bộ phận của cán bộ cách chức, đảng viên vẫn còn nghiêm trọng. Ngược lại, nhân dân ta không hề oán trách những người giàu có bỏ tiền ra xây dựng xí nghiệp nhằm tạo ra nhiều của cải, tạo ra nhiều việc làm cho người lao động. Điều người dân dễ nhận thấy là người chủ tư bản càng giàu có, đầu tư càng nhiều, tư liệu sản xuất càng hiện đại thì sự bóc lột người công nhân của chủ tư bản sẽ bớt khắt khe hơn, đồng lương được cải thiện hơn, có lợi cho phát triển sản xuất, đỡ ô nhiễm môi trường và có lợi cho người công nhân hơn. Họ thấy rằng chính ở mức độ sản xuất tiểu chủ cường độ lao động của người công nhân càng nặng nề, mệt mỏi hơn, đồng lương eo hẹp hơn. Vậy thì tại sao hiện giờ chúng ta vẫn còn quan điểm muốn cho các nhà sản xuất (nhất là Đảng viên) đang làm ăn thuận lợi chỉ nên dừng lại ở mức sản xuất cá thể, tiểu chủ thôi?

Trước đây, Ph.Ăngghen đã từng nhận xét: "Chừng nào mà phương thức sản xuất đang ở trên con đường phát triển đi lên thì chừng đó ngay cả những người bị phương thức sản xuất phân phối với phương thức sản xuất đó làm thiệt hại, cũng hoan hô phương thức đó..." (2)

Sau này Ăngghen còn nhận xét thêm về công nhân Anh khi đại công



ngành phát triển: dù có nhận thức được về bức bối giá trị thặng dư hay không, tầng lớp lao động làm thuê thuộc mọi trình độ đều muốn làm việc ở những công ty trả lương cao nhất, được đối xử tốt nhất, bất cứ đơn vị, công ty đó thuộc thành phần kinh tế nào. Rõ ràng thực tế cuộc sống ở nước ta hiện nay đang diễn ra như điều mà Ăngghen đã nhận xét. Làm việc trong các doanh nghiệp nhà nước chưa hẳn là điều mà công nhân thích chọn lựa so với các doanh nghiệp tư nhân. Vì vậy hiện nay chúng ta đang xem xét vấn đề có bóc lột hay không, chấp nhận hay không chấp nhận bóc lột... chủ yếu nó chỉ được đặt ra trong nội bộ Đảng chứ không phải trong dư luận quần chúng nhân dân.

Đến đây ta có thể khẳng định rằng, với trình độ LLSX trong giai đoạn đầu của CNXH, sự tồn tại của hiện tượng bóc lột không những là tất yếu mà còn là một thực tế khách quan. Một hình thức bóc lột cụ thể chỉ bị lên án và cần phải nghiêm cấm khi nó đã lỗi thời về mặt lịch sử. Bóc lột giá trị thặng dư ở nước ta là có thực nhưng không lỗi thời và hoàn toàn cần thiết.

Hiện nay, vấn đề gay gắt có nhiều tranh luận nhất có lẽ vẫn là việc đảng viên có được làm kinh tế ở mức quy mô lớn mà ta thường gọi là KTTBTN hay không? Như đã được lý giải ở trên chúng tôi cho rằng: nếu đa số nhân dân đã thuận và đa số đảng viên đã đồng tình thì nó không còn trở thành vấn đề không thể không giải quyết được. Một số tư liệu thực tiễn sau đây sẽ cho thấy rõ hơn điều đó.

## 2. Về mặt thực tiễn

Qua nhận diện SHTN, KTTN của nước ta cho thấy, tham gia làm KTTN có không ít người là đảng viên Đảng cộng sản VN. Họ đã có mặt trong tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh mà luật pháp không cấm dưới các hình thức như:

- Hộ sản xuất kinh doanh cá thể trong nông nghiệp và các ngành nghề phi nông nghiệp ước có khoảng 1,2 triệu hộ là đảng viên tham gia, chiếm khoảng 10% số hộ sản xuất kinh doanh trong cả nước.

- Kinh tế trang trại trong nông nghiệp, qua khảo sát ở một số địa

phương cho thấy số đảng viên tham gia cũng khá đông. Ví dụ ở tỉnh Nghệ An, thống kê năm 2003 có 178 trang trại, trong đó có 74 trang trại do đảng viên làm chủ, chiếm tỷ lệ 41,5%. Tỉnh Bình Dương, qua khảo sát 989 trang trại của các huyện: Bến Cát, Tân Uyên, Thuận An, thị xã Thủ Dầu Một có 242 chủ trang trại là đảng viên, chiếm tỷ lệ 24,87%. Tỉnh Lào Cai, một tỉnh miền núi, biên giới, thống kê tháng 10.2000 có 2.388 trang trại, trong đó có 380 chủ trang trại là đảng viên, tỷ lệ 15,91%. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có 371 trang trại, trong đó có 36 trang trại do đảng viên làm chủ, chiếm tỷ lệ 9,7%.v.v...

Trong các loại hình DNTN, CTTNHH, CTCTP tỷ lệ đảng viên tham gia cũng khá nhiều, chẳng hạn như:

- TP. Hà Nội, tính đến tháng 6.2003 có 17.376 doanh nghiệp, trong đó có 79 doanh nghiệp đã có tổ chức Đảng (có 3 tổ chức cơ sở, số còn lại là các chi bộ trực thuộc) với 2.101 đảng viên tham gia, trong đó có 24 đảng viên là chủ doanh nghiệp, số còn lại tham gia góp vốn hoặc làm việc cho DNTN.

- TP.HCM: Theo báo cáo của Ban tổ chức Thành ủy khảo sát ở 5 quận: 5,10,11, Tân Bình, Gò Vấp tháng 10/1998 có 2.056 doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN, có 189 đảng viên tham gia, trong đó có 14 doanh nghiệp có tổ chức Đảng, có 5 đảng viên làm chủ doanh nghiệp.

- Tỉnh Đồng Nai: Theo báo cáo của Ban kinh tế Tỉnh ủy đến tháng 6.2002, trong tỉnh có 9 đảng viên làm chủ DNTN, doanh nghiệp nhỏ nhất có số vốn 350 triệu đồng, doanh nghiệp lớn nhất có số vốn 10.500 triệu đồng.

- Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Theo khảo sát của Ban kinh tế Tỉnh ủy năm 1999 toàn tỉnh có 48 DNTN do đảng viên làm chủ, vốn bình quân một cơ sở là 1,48 tỷ đồng.

- TP. Đà Nẵng: Tính đến 30.6.2002 toàn thành phố có 2.081 doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN, trong đó có 46 doanh nghiệp do đảng viên làm chủ, trong đó có 5 DNTN, 12 CTTNHH, 26 CTCTP.

- Tỉnh Yên Bái: Tính đến tháng 8.2003 có 192 DNTN, trong đó có khoảng 1/3 doanh nghiệp do đảng

viên làm chủ.

Những số liệu trên đây chỉ mới phản ánh được một phần số lượng đảng viên tham gia làm KTTN. Còn khá nhiều người tham gia nhưng vì nhiều lý do khác nhau họ không đứng tên làm chủ doanh nghiệp, mà mượn người thân trong gia đình như: cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con cái, anh chị em ruột đứng tên, nên không thể thống kê được hết.

Gần 20 năm phát triển kinh tế nhiều thành phần ở VN cho thấy, số đảng viên tham gia làm kinh tế tư nhân ngày càng đông đảo, trong đó đã có một số doanh nghiệp tư nhân do đảng viên làm chủ có quy mô vốn và nhân công tương đối lớn... Mặt khác, sự ủng hộ của quần chúng và đảng viên đối với thực trạng này ngày càng rộng rãi. Rõ ràng đây là một xu thế.

## 3. Tổng hợp chung về quan điểm ủng hộ đảng viên làm KTTBTN

Loại quan điểm này có nhiều ý kiến khá phong phú, có lập luận, được thể hiện qua một số cuộc hội thảo khoa học, qua thay đổi, hoặc từ các bài viết. Về cơ bản chúng tôi ủng hộ quan điểm này, thể hiện qua một số ý kiến đáng chú ý sau:

- Xã hội công dân lấy pháp luật làm thước đo, làm cái khung quy định quyền lợi và nghĩa vụ cho tất cả mọi người dân trong nước. Một đảng viên cộng sản, trước hết là một công dân, do vậy phải tuân thủ và được phép hành động theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, bất cứ về phương diện nào trong quan hệ xã hội, đảng viên cũng không thể đứng ngoài hoặc đứng ngoài hoặc đứng trên Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, cho dù Đảng đó đứng ngoài Đảng cầm quyền. Song có một thực tế đang diễn ra là khi điều lệ Đảng không cho đảng viên làm KTTBTN nhưng pháp luật không cấm, nên đảng viên vẫn âm thầm, lén lút làm KTTBTN và đang có xu hướng ngày càng nhiều. Cách giải quyết tốt nhất cho những ý kiến còn mang tính trái ngược trên có lẽ là nên thống nhất chúng lại theo hướng nên sửa đổi ý kiến nào chưa phù hợp với thực tiễn khách quan. Hiện nay đã có ý kiến của nhiều đảng viên đề nghị Đảng nên sửa đổi điều 1, chương I của điều lệ Đảng



về điều khoản đảng viên "không bóc lột" để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu cần phát triển sản xuất.

- Đã là đảng viên phải là người xung phong gương mẫu trong việc thực hiện mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh (kể cả làm kinh tế TBTN). Có như vậy mới có lối cuốn cổ vũ quần chúng nhân dân cùng làm, từ đó sẽ có kinh nghiệm lãnh đạo quần chúng. Còn nếu đảng viên chỉ là người làm thuê, là người nghèo khó, trong lúc quần chúng khá giả hoặc giàu thì tất nhiên quần chúng không phục, không tin họ, không noi gương họ. Thực tế qua những năm đổi mới (kể từ 1986), tầng lớp những người làm kinh tế TBTN (trong đó có một số đảng viên tham gia dưới nhiều hình thức) không phải là nhóm người tạo ra tiêu cực cho xã hội mà ngược lại họ góp phần tạo niềm tin cho quần chúng đối với Đảng, tạo sự yên tâm cho các nhà đầu tư tư nhân trong và ngoài nước. Một đảng viên làm kinh tế TBTN góp phần tạo ra nhiều của cải, họ nộp thuế đầy đủ, giải quyết công ăn việc làm cho nhiều lao động, họ đóng góp nhiều phúc lợi xã hội hơn các chủ doanh nghiệp không phải là đảng viên, họ góp phần làm tăng nội lực của đất nước, họ chấp hành tốt mọi chính sách, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Những đảng viên này hàng ngày, hàng giờ lao động vất vả, tìm cách nâng cao năng suất lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, của nền kinh tế nhà nước, họ cũng phải biết chắt chiu, sống tiết kiệm, tiêu xài tiền một cách hợp lý nhất để đầu tư tái sản xuất mở rộng và phát triển sản xuất... Vậy Đảng có nên coi họ là người có lỗi với Đảng, với người lao động, hay nên coi họ là một trong những công dân ưu tú, mẫu mực của đất nước?

Rõ ràng những đảng viên như vậy là hơn hẳn những người chỉ biết ngồi tại chỗ để than trách, để phán xét, để suy bì, tị nạnh với những người biết làm ăn giỏi. Và cũng không thể đem họ để so sánh với những kẻ thoái hoá biến chất quan liêu, cửa quyền, tham ô tham nhũng ở trong Đảng. Đó chính là những kẻ đang hàng ngày, hàng giờ làm mất uy tín của Đảng, làm xói mòn hình ảnh tốt đẹp của CNXH trong

quần chúng. Đây thực sự là một quốc nạn đáng lo nhất hiện nay. Và cũng có thể nói những kẻ thoái hoá biến chất này mới chính là những kẻ bóc lột đáng bị lên án nhất. Những tệ nạn này phải chăng là do thành phần kinh tế TBTN, do các đảng viên làm kinh tế TBTN gây nên?

- Trên thực tế, cho đến nay Đảng ta vẫn chưa xác định và rất khó xác định được một tiêu chí khách quan và khoa học cho việc phân định ranh giới giữa kinh tế TBTN với kinh tế cá thể tiểu chủ. Do vậy rất khó xác định chính xác như thế nào là một nhà tư sản, nên khó có chứng cứ pháp lý cụ thể để quy kết họ là vi phạm điều lệ Đảng.

Mặt khác trong khi một doanh nghiệp đang kinh doanh có hiệu quả thì họ không thể tự động dừng lại giữa chừng, dừng lại có nghĩa là buộc họ không được làm thêm nhiều sản phẩm, không được thay đổi thêm thiết bị hiện đại, không được tăng thêm việc làm cho người lao động và cũng có nghĩa là buộc họ làm giảm năng lực cạnh tranh và có thể dẫn đến nguy cơ bị phá sản. Trong lúc muốn chuyển sang hình thức kinh tế khác như kinh tế hợp tác xã, kinh tế tư bản nhà nước, là những hình thức sản xuất cao và toàn bộ hơn mà chưa chín muồi thì cũng có thể dẫn đến hậu quả tương tự như thế. Điều này cũng chẳng khác mấy cách làm của chúng ta đối với các nhà tư sản trong các thời kỳ cải tạo trước đây, từ năm 1958 và sau năm 1975.

- Nếu Đảng cho phép đảng viên làm kinh tế TBTN, thì không phải hễ đảng viên nào muốn trở thành một ông chủ doanh nghiệp lớn thì có thể đạt theo ý muốn được. Để trở thành một chủ doanh nghiệp lớn (mà ta đang gọi là doanh nghiệp TBTN), cần phải có những chuẩn mực cần đạt tới, đó là: Có một nguồn vốn lớn, có quy mô sản xuất kinh doanh lớn, có sức cạnh tranh lớn và có trình độ quản lý giỏi, nhạy bén, xông xáo, dũng cảm... Những chuẩn mực đó không phải đảng viên nào cũng đáp ứng đầy đủ được, chắc chắn sẽ là có rất hiếm những đảng viên đạt được những tiêu chuẩn như vậy. Vậy thì làm sao phải lo lắng cả một Đảng bị biến chất vì một số lượng

không lớn đảng viên tham gia làm KTTBTN, làm sao phải lo họ có thể làm chệch hướng CNXH ở VN được? Nếu không cho phép đảng viên sản xuất kinh doanh lớn dưới hình thức kinh tế tư nhân, chúng ta sẽ dễ thui chột, dễ lãng phí một đội ngũ cán bộ làm kinh tế giỏi, làm hạn chế những tiềm năng có thể đóng góp nhiều hơn cho Đảng, cho đất nước.v.v...

Từ những luận giải trên, chúng tôi đưa ra quan điểm tổng quát của mình như sau:

Việc đảng viên Đảng cộng sản tham gia làm kinh tế tư nhân, trong đó có một bộ phận đảng viên tham gia sản xuất kinh doanh từng bước phát triển lên quy mô ngày càng lớn hơn, đạt đến mức độ mà lâu nay ta thường gọi "kinh tế tư bản tư nhân" trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở VN là việc làm cần thiết, cần được ủng hộ và cần được khẳng định. Tuy nhiên Đảng cũng cần đưa ra một số điều kiện hợp lý nhất định cho sự ủng hộ và khẳng định.

Tóm lại: Kinh tế tư nhân ở nước ta là một bộ phận trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, vì vậy nó chịu tác động "chủ đạo" của khu vực kinh tế nhà nước và chịu sự điều tiết về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước theo định hướng XHCN. Trong điều kiện đó chúng ta hoàn toàn không ngại để đảng viên có thể tham gia làm kinh tế TBTN nhằm góp phần đem hết năng lực của mình cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của Đảng theo mục tiêu phấn đấu vì: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Thực tế cũng cho thấy rằng, cùng với thời gian những vấn đề lý luận chưa sáng tỏ cũng sẽ lần lượt được thực tiễn kinh nghiệm và soi sáng. Vấn đề là ở chỗ chúng ta có dám đưa những vấn đề còn gay gắt ra để thực tiễn kinh nghiệm hay không. Có lẽ đó chính là cách làm tốt nhất, bởi nếu lý luận tách rời thực tiễn, cuộc sống sẽ không bao giờ tìm được giải pháp đúng đắn hợp lý và khách quan ■

#### Chú thích

- (1) Đảng CSVN: Văn kiện Hội nghị lần thứ 5, Ban chấp hành trung ương khoá IX, NXB CTQG, Hà Nội 2002, tr 44-45.
- (2) C.Mac - Ăngghen tuyển tập, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1983, tập 5, trang 211.